

HIỆN TRẠNG VÀ PHÂN BỐ CỦA CÁC LOÀI CHUỘT CHŨI (Soricomorpha, Talpidae) Ở VIỆT NAM

ĐẶNG NGỌC CẦN, NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

SHIN-ICHIRO KAWADA

Bảo tàng Quốc gia Khoa học Nhật Bản

MASAHARU MOTOKAWA

Bảo tàng Đại học Kyoto Nhật Bản

Theo Wilson và Reeder (2005) trên thế giới họ Chuột chũi (Talpidae) gồm 17 giống và 39 loài. Chuột chũi ở Việt Nam lần đầu tiên được Osgood ghi nhận vào năm 1932 dựa trên mẫu vật thu được ở Sa Pa và đặt tên là *Talpa klossi* [14]. Mẫu này đã được Miller (1940) định tên lại là Chũi răng nhỏ (*Euroscaptor parvidens*) [11]. Có thể nói từ năm 2003 trở về trước, việc nghiên cứu Chuột chũi ở Việt Nam ít được quan tâm vì thế còn có một số nhầm lẫn về tên loài và vị trí phân loại của các loài Chuột chũi. Đặng Huy Huỳnh và cs. (1994) cho rằng, ở Việt Nam có hai loài Chuột chũi là Chuột cù lia (*Parascaptor (Talpa) leucura*) và Chuột chũi kloss (*Parascaptor (Talpa) klossi*) [3]. Cũng cần nói thêm là một số tác giả đã xác định ở Việt Nam không có giống *Parascaptor* (Talpa) [7, 11, 15]. Từ năm 2003 đến nay, các cán bộ khoa học của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật đã kết hợp với các nhà khoa học Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga tiến hành nhiều đợt khảo sát thực địa và đã có một số công trình nghiên cứu được công bố về Chuột chũi ở Việt Nam [1, 2, 6, 7, 8, 9, 10]. Thống kê gần đây của Đặng Ngọc Cần và cs. (2008) đã ghi nhận ở Việt Nam có 4 loài là Chuột chũi đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus*), Chuột chũi răng nhỏ (*Euroscaptor parvidens*), Chuột chũi mũi dài (*Euroscaptor longirostris*) và Chuột chũi miền bắc (*Mogera latouchei*) [4]. Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009) cũng đã ghi nhận 4 loài là Chuột chũi đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus*), Chuột chũi răng nhỏ (*Euroscaptor parvidens*), Chuột chũi mũi dài (*Euroscaptor longirostris*) và Chuột chũi đuôi trắng (*Parascaptor leucura*) chứ không phải là Chuột chũi miền bắc (*Mogera latouchei*) như Đặng Ngọc Cần và cs. (2008). Cần nói thêm là loài này chỉ được ghi nhận ở Ấn Độ, Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar [5, 14]. Trên cơ sở mẫu vật thu được ở Việt Nam, Kawada và cs. (2012) đã công bố một loài mới cho khoa học là Chuột chũi đuôi ngắn (*Euroscaptor subanura*) [9]. Như vậy, cho đến nay đã có 5 loài Chuột chũi được ghi nhận ở Việt Nam. Dựa trên các tư liệu nghiên cứu, mẫu vật đã thu được trong các đợt khảo sát, các mẫu vật được lưu giữ ở một số bảo tàng và tham khảo có chọn lọc các tài liệu có liên quan, các tác giả hy vọng làm sáng tỏ về thành phần loài, hiện trạng và phân bố của các loài Chuột chũi ở Việt Nam. Nghiên cứu này được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED, mã số 106.12-2011.06) hỗ trợ kinh phí.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu vật: Tổng số 159 mẫu Chuột chũi được thu thập trong các đợt điều tra từ năm 2004-2013 tại: Lào Cai (Sa Pa), Sơn La (Copia, Tà Xùa, Xuân Nha), Cao Bằng (Nguyên Bình), Tuyên Quang (Na Hang, Chiêm Hoá, Hiệp Hòa và Sơn Dương), Phú Thọ (Xuân Sơn), Vĩnh Phúc (Tam Đảo), Thanh Hóa (Pù Hu, Xuân Liên), Nghệ An (Pù Huống), Quảng Nam (Đông Giang, Ngọc Linh), Kon Tum (Ngọc Linh), Quảng Ngãi (Ba Tơ), Gia Lai (Kon Ka Kinh, Chư Mom Ray), Đắk Lắk (Chư Yang Sin), Khánh Hoà (Hòn Bà), ngoài ra tác giả còn phân tích các mẫu vật được lưu giữ tại Bảo tàng Động vật, Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội.

Xử lý mẫu: Chụp ảnh Chuột chũi thu được, cân trọng lượng cơ thể, đo các kích thước phục vụ cho định loại. Sau đó mẫu được lột da và nhồi bông, một số định hình trong cồn 90% và bảo

quản trong còn 70%. Tất cả các mẫu được tách sọ và làm làm tiêu bản hình thái. Các số đo hình thái sọ được thu thập phục vụ cho công tác định loại. Tất cả các mẫu vật hiện nay được lưu giữ tại Phòng Động vật học có xương sống, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Định loại: Dựa trên tài liệu phân loại liên quan hiện có và có so sánh với các mẫu vật lưu trữ ở một số bảo tàng ở nước ngoài như: Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Luân Đôn (Anh Quốc), Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Smithsonian, Bảo tàng Lịch sử tự nhiên New York (Hoa Kỳ), Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Paris (Pháp), Bảo tàng Quốc gia Khoa học Tokyo (Nhật Bản).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Cho đến nay, ở Việt Nam đã ghi nhận được 5 loài chuột Chũu thuộc 3 giống *Scaptonyx*, *Euroscaptor* và *Mogera*. Dưới đây là một số đặc điểm hình thái và phân bố của từng loài:

1. Chuột chũu đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus* Milne-Edwards, 1872)

Kích thước (1 mẫu): Dài thân (HBL): 65-110mm; Dài đuôi (TL): 30-50mm; Dài bàn chân trước (FFL): 15,5-16,5mm; Rộng bàn chân trước (FFW): 15-16,5mm; Dài bàn chân sau (HFL): 13,5-15,5mm. Trọng lượng: 12-15g.

- *Phân bố thế giới:* Trung Quốc, Myanmar.

- *Phân bố trong nước:* Công bố của Lunde và cs. (2003) thu được 1 cá thể tại Hà Giang (Tây Côn Lĩnh II), độ cao 1.300m. Cá thể này có kích thước: Dài thân (HBL): 110mm; Dài đuôi (TL): 31mm; Dài bàn chân sau (HFL): 15mm và trọng lượng: 12g [10]. Như vậy cho tới nay ở Việt Nam mới chỉ thu được duy nhất một mẫu vật của loài ở Tây Côn Lĩnh II. Mẫu vật được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử tự nhiên New York (Hoa Kỳ).

2. Chuột chũu răng nhỏ - *Euroscaptor parvidens* (Miller G., 1940)

Kích thước (32 mẫu): Dài thân (HBL): 135-148,5mm; Dài đuôi (TL): 5,5-9mm; Dài bàn chân trước (FFL): 15,5-16,5mm; Rộng bàn chân trước (FFW): 15-16,5mm; Dài bàn chân sau (HFL): 13,5-15,5mm. Trọng lượng: 37,3-63,5g.

- *Phân bố thế giới:* Trung Quốc.

- *Phân bố trong nước:* Loài này phân bố ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Sinh cảnh sống là rừng tự nhiên, nương rẫy, vườn hoa và dọc suối gần dân ở độ cao 400-1.000m. Các mẫu đã thu được tại Gia Lai (Kon Ka Kinh, Chư Mom Ray), Quảng Nam (Đông Giang, Ngọc Linh), Kon Tum, Đăk Lăk (Chư Yang Sin), Quảng Ngãi (Ba Tơ), Khánh Hoà (Hòn Bà) và Lâm Đồng (Bảo Lộc, Đà Lạt). Abramov và cs. (2006) cũng đã ghi nhận được loài ở Kon Tum (Ngọc Linh), Lâm Đồng (Bi Đúp - Núi Bà), độ cao 1.400-1.800m [1, 2].

3. Chuột chũu mũi dài - *Euroscaptor longirostris* (Milne-Edwards, 1870)

Kích thước (28 mẫu): Dài thân (HBL): 133-144mm; Dài đuôi (TL): 14-17mm; Dài bàn chân trước (FFL): 15-17,5mm; Rộng bàn chân trước (FFW): 14,5-17mm; Dài bàn chân sau (HFL): 14,5-16,5mm. Trọng lượng (BW): 42,3-76,7g.

- *Phân bố thế giới:* Trung Quốc

- *Phân bố trong nước:* Loài này phân bố ở phía Bắc Việt Nam. Sinh cảnh sống là rừng tự nhiên và nương rẫy gần dân, độ cao từ 950m đến 2.800m. Các mẫu vật đã thu được tại Vĩnh Phúc (Tam Đảo), Sa Pa (Lào Cai) và Cao Bằng (Nguyên Bình).

4. Chuột chũu đuôi ngắn - *Euroscaptor subanura* Kawada, S., N.T. Son, D.N. Can, 2012

Kích thước (13 mẫu): Dài thân (HBL): 113-130mm; Dài đuôi (TL): 4,5-5mm; Dài bàn chân trước (FFL): 14-15,5mm; Rộng bàn chân trước (FFW): 13-15,5mm; Dài bàn chân sau (HFL): 13,5-15,5mm. Trọng lượng (BW): 33,8-43g.

- *Phân bố thế giới*: Chưa có ghi nhận.

- *Phân bố trong nước*: Loài mới cho khoa học, mới chỉ được Kawada và cs. (2012) phát hiện ở Việt Nam [8]. Loài này phân bố rải rác ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam nhưng ở độ cao thấp hơn so với các loài Chuột chũi khác. Các mẫu thu được ở rừng đất thấp, nền đất xen đá, ở độ cao từ 200-450m. Các mẫu vật thu được ở Tuyên Quang (Sơn Dương, Na Hang), Phú Thọ (Xuân Sơn) và Nghệ An (Pù Huống).

5. Chuột chũi miền Bắc - *Mogera latouchei* Thomas, 1907

Kích thước (9 mẫu): Dài thân (HBL): 103,0-115,0mm; Dài đuôi (TL): 12,0-15,5mm; Dài bàn chân trước (FFL): 14,0-16,0mm; Rộng bàn chân trước (FFW): 13,5-16,0mm; Dài bàn chân sau (HFL): 13,5-15,5mm. Trọng lượng (BW): 33,0-48,5g.

- *Phân bố thế giới*: Trung Quốc.

- *Phân bố trong nước*: Chuột chũi miền Bắc sống ở rừng thứ sinh và rừng trồng gần khu dân cư ở độ cao từ 600-1.150m. Mẫu vật thu được ở Lào Cai (Sa Pa, Văn Bàn), Cao Bằng (Nguyên Bình) và Sơn La (Tà Xùa).

III. KẾT LUẬN

Cho tới nay ở Việt Nam đã có 5 loài Chuột chũi thuộc 3 giống đã được ghi nhận: Chuột chũi đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus*), Chuột chũi răng nhỏ (*Euroscaptor parvidens*), Chuột chũi mũi dài (*Euroscaptor longirostris*), Chuột chũi đuôi ngắn (*Euroscaptor subanura*) và Chuột chũi miền Bắc (*Mogera latouchei*).

Chuột chũi ở Việt Nam phân bố ở độ cao từ 250 đến 2.800m. Mỗi loài Chuột chũi phân bố ở giới hạn độ cao và vùng địa lý có sự khác nhau: Chuột chũi răng nhỏ (*Euroscaptor parvidens*) phân bố từ 400-1.800m ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Chuột chũi mũi dài (*Euroscaptor longirostris*) phân bố từ 950-2.000m ở khu vực vùng núi phía Bắc. Chuột chũi đuôi ngắn (*Euroscaptor subanura*) từ 250-450m ở Đông Bắc và Bắc Trung Bộ. Chuột chũi miền Bắc (*Mogera latouchei*) từ 600-800m ở vùng núi phía Bắc. Sự hiểu biết về phân bố của Chuột chũi đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus*) còn hạn chế, mới chỉ ghi nhận được ở độ cao 1.300m tại Tây Côn Lĩnh II (Hà Giang) thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Trong thời gian tới việc tiếp tục nghiên cứu về mối quan hệ giữa phân bố theo độ cao và giới hạn vùng phân bố của các loài Chuột chũi đặc biệt là đối với Chuột chũi đuôi dài (*Scaptonyx fuscicaudus*) là cần thiết và điều này có ý nghĩa quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch bảo tồn loài và sinh cảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abramov A.V., V. V. Rozhnov, P. N. Morozov, 2006. Russian Journal of Theriology. Vol.5 (2): 85-92.
2. Abramov A.V., V. K. Sergei, V. S. Anton, 2009. Russian Journal of Theriology. Vol.8 (2): 61-73.
3. Kawada, S., Oda, S., Endo, H., Lin, L.-K., Nguyen Trung Son, Dang Ngoc Can., 2010. Mem. Natl. Mus. Nat. Sci, Tokyo (46): 47-56.
4. Kawada S, Nguyen Trung Son, Dang Ngoc Can, 2012. Journal of Mammalogy, 93 (3): 839-850.
5. Lunde, D.P., Musser, G.G., Nguyen, T.S., 2003. Mammal Study 28: 31-46.
6. Miller, G.S., Jr., 1940. Journal of Mammalogy, 21: 203-204.
7. Miller, G.S., Jr., 1940. Journal of Mammalogy, 21: 203-204.
8. Osgood, W.H., 1932. Field Museum of Natural History, Zoological Series, 18: 193-39.

STATUS AND DISTRIBUTION OF MOLES (*Soricomorpha*, *Talpidae*) IN VIETNAM

DANG NGOC CAN, NGUYEN TRUONG SON,
SHIN-ICHIRO KAWADA, MASAHARU MOTOKAWA

SUMMARY

Before 2003, the study for taxonomy and distribution of Vietnamese moles had been still limited. According to Dang Huy Huynh *et al.* (1994), there were two species including *Parascaptor leucura* and *Parascaptor klossi*, but there were some confusion about classification of mole species by the previously published authors. Since 2003, the researchers from Institute of Ecology and Biological Resources in collaboration with colleagues from America, Japan, Russia have conducted a number of field surveys in Vietnam to determine the composition and distribution of Vietnamese moles. Five mole species in 3 genera have been confirmed to occur in Vietnam. These include Long-tailed Mole (*Scaptonyx fuscicaudus*), Small-toothed Mole (*Euroscaptor parvidens*), Long-nosed Mole (*Euroscaptor longirostris*), Mainland Mole (*Mogera latouchei*) and Subanura Mole (*Euroscaptor subanura*).

Altitudinal distribution of Vietnamese moles depends on the species. Our specimens were collected at 250-2,800m elevation. *Euroscaptor parvidens* was recorded at 400-1,800m elevation in south and central regions and the central highland. *Euroscaptor longirostris* was recorded at 950-2,000m elevation on northern region. *Euroscaptor subanura* was recorded at 250-450m elevation in the northeastern region and north central region. *Mogera latouchei* was recorded at 600-800m elevation in northern region and *Scaptonyx fuscicaudus* was only recorded at an altitude of 1,300m in the northern region. More intensive efforts to study distribution of Vietnamese moles are expected to uncover a rich diversity of *Soricomorpha* species and determine the altitudinal distribution and geographical distribution of mole species, and they will contribute significantly for mole conservation in the future.